

CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA ĐỒNG NAI



BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN NĂM 2013

Tên công ty niêm yết: Công ty Cổ phần Nhựa Đồng Nai

Địa chỉ: Đường 9, KCN Biên Hòa 1, Đồng Nai

ĐT: (061) 38 36 269, Fax: (061) 38 36 174

Đồng Nai – 04/2014

Mục lục

	<i>Trang</i>
I. Lịch sử hoạt động Công ty.....	3
II. Báo cáo Hội đồng Quản trị.....	6
III. Báo cáo Ban Tổng Giám Đốc.....	9
IV. Báo cáo Tài chính Hợp nhất tóm tắt	14
V. Báo cáo các công ty liên quan.....	20
VI. Sơ đồ tổ chức và chức năng nhiệm vụ phòng ban	22
VII. Thông tin về Cổ đông và Quản trị Công ty	24

I. Lịch sử hoạt động của Công ty

1. Những sự kiện quan trọng

Công ty cổ phần Nhựa-Xây dựng Đồng Nai, tiền thân là Công ty Diêm Đồng Nai được thành lập theo Quyết định số 393/CNN-TCLĐ ngày 29/4/1993 của Bộ Công Nghiệp Nhẹ. Ngày 10/01/1998, Công ty Diêm Đồng Nai được đổi tên thành Công ty Nhựa Đồng Nai theo Quyết định số 02/1998/BCN. Công ty đã tiến hành cổ phần hóa DNNN theo Quyết định số 971/QĐ-TCCB ngày 15/5/2003 của Bộ trưởng Bộ Công nghiệp và chính thức đăng ký kinh doanh hoạt động theo hình thức Công ty cổ phần từ ngày 02/01/2004 theo GPĐKKD số 4703000083 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Đồng Nai cấp, số vốn điều lệ tại thời điểm thành lập là 3 tỷ đồng.



Ngày 24/01/2005, Công ty tăng vốn điều lệ thêm 3 tỷ đồng, nâng tổng số vốn điều lệ lên 6 tỷ đồng theo phương thức chia cổ phiếu thưởng với tỷ lệ 01 cổ phiếu cũ được thưởng 01 cổ phiếu mới. Nguồn chia cổ phiếu thưởng là lợi nhuận giữ lại của năm 2004 và một phần lợi nhuận của năm 2005.

Theo Nghị quyết Đại Hội đồng Cổ Đông ngày 26/6/2006, Công ty quyết định tăng vốn điều lệ từ 06 tỷ đồng lên 13 tỷ đồng thông qua hình thức chia cổ phiếu thưởng theo tỷ lệ 06 cổ phiếu cũ được thưởng 07 cổ phiếu. Nguồn chia lợi nhuận là lợi nhuận giữ lại của năm 2005 và một phần lợi nhuận của Quý I/06.

Ngày 05/10/2006, Công ty quyết định tăng vốn điều lệ từ 13 tỷ đồng lên 20 tỷ đồng thông qua việc phát hành thêm 7 tỷ đồng, trong đó bán cho CBCNV công ty 70.000 cổ phần và phát hành riêng lẻ cho các nhà đầu tư bên ngoài với số lượng 630.000 cổ phần. vốn điều lệ của Công ty Nhựa-Xây dựng Đồng Nai là 20 tỷ đồng.

Công ty đã thực hiện việc Niêm yết cổ phiếu trên sàn Giao dịch chứng khoán (Trung tâm Giao dịch Chứng khoán TP Hồ Chí Minh) theo Giấy phép Niêm yết số 85/UBCK-GPNY do Ủy Ban Chứng khoán nhà nước cấp ngày 28/11/2006. Cổ phiếu của Công ty CP Nhựa-Xây dựng Đồng Nai chính thức giao dịch trên Thị trường chứng khoán kể từ ngày 20/12/2006 với mã chứng khoán là DNP.

Theo nghị quyết của Đại hội cổ đông thường niên 2007, công ty đã phát hành bổ sung 2.000.000 cổ phiếu để tăng vốn điều lệ từ 20 tỷ lên 40 tỷ đồng. Ngày 02/04/2008 vừa qua đã chính thức niêm yết và giao dịch trên sàn của Sở giao dịch Chứng khoán TP.HCM với số vốn là 34 tỷ đồng.

Ngày 9/7/2008 Công Ty Cổ Phần Nhựa Xây Dựng Đồng Nai đổi tên thành Công ty Cổ Phần Nhựa Đồng Nai.

Ngày 17/6/2009 công ty chuyển sang niêm yết cổ phiếu trên sàn Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội.

2. Quá trình phát triển

Hoạt động sản xuất kinh doanh chủ yếu của Công ty Nhựa Đồng Nai là sản xuất kinh doanh các sản phẩm từ chất dẻo, kinh doanh các sản phẩm, vật tư nguyên liệu và các chất phụ gia ngành nhựa. Ngoài ra còn sản xuất kinh doanh các sản phẩm khác như Diêm quẹt nội địa và xuất khẩu, gia công may mặc, phụ kiện bằng gang dùng cho ngành nước, xây lắp cấp thoát nước.

Trong quá trình hoạt động, vừa sản xuất vừa tích lũy cho tái đầu tư, đến nay công ty đã hoàn thiện toàn bộ cơ sở hạ tầng: Văn phòng, nhà xưởng, đường nội bộ trong diện tích gần 03 ha. Hiện nay, công ty đã sản xuất được nhiều loại sản phẩm khác nhau để đáp ứng nhu cầu ngày càng cao của thị trường như: Nhóm sản phẩm ống nhựa uPVC, HDPE dùng cho công nghiệp, xây dựng và cấp thoát nước. Nhóm sản phẩm túi xốp và bao bì nhựa-màng nhựa các loại từ HDPE, LDPE, PP...dùng cho siêu thị, xuất khẩu, nông nghiệp, địa chất, xây dựng và giao thông, công nghiệp thực phẩm...Trong đó, một số sản phẩm cũng đã được xuất khẩu sang các nước châu Âu, Mỹ và châu Á. Bắt đầu hợp tác sản xuất kinh doanh với nước ngoài như hãng SUNWAY (Hồng Kông).

Trong những năm gần đây, sản phẩm chủ yếu của Công ty là ống nhựa uPVC và ống nhựa HDPE được khách hàng và các nhà thầu xây lắp Cấp thoát nước, xây dựng điện và Bưu chính viễn thông đánh giá cao về chất lượng cũng như dịch vụ. Hiện tại, sản phẩm ống nhựa của chúng tôi đang được sử dụng cho hầu hết các công trình của

Tổng Cty cấp nước TP. HCM, khẳng định được tầm mức chất lượng cao và nhờ đó uy tín của thương hiệu DNP ngày càng nâng cao.

Nhằm khai thác triệt để những lợi thế về tài sản thương hiệu cũng như dựa vào đặc điểm của sản phẩm ngành nhựa là công kênh, khó vận chuyển, Công ty đã chọn phương án tập trung đầu tư đa dạng hoá các loại sản phẩm nhằm tạo ra các sản phẩm có lợi thế cạnh tranh về mặt địa lý, có nhu cầu lớn trong các ngành công, nông nghiệp, thủy sản... tại miền Bắc, miền Trung, Tây nguyên và Đồng bằng sông Cửu Long. Riêng về sản phẩm ống nhựa, chúng tôi đã có hàng trăm khách hàng trên thị trường nói trên trong đó có các khách hàng quan trọng như Vinaseen, Sawaco,...

3. Định hướng phát triển

3.1. Các mục tiêu chủ yếu của công ty

Phấn đấu trở thành nhà sản xuất ống nhựa và túi bao bì tốp đầu tại Việt Nam theo các tiêu chí sau:

- Dịch vụ hỗ trợ kỹ thuật tốt nhất.
- Sản phẩm chất lượng cao và ổn định.
- Sản phẩm phong phú về chủng loại.
- Giá cả cạnh tranh.

3.2. Chiến lược phát triển trung và dài hạn

3.2.1 Chiến lược về sản phẩm:

- Đa dạng hóa sản phẩm ống và bao bì, nâng cao chất lượng sản phẩm.
- Duy trì và nâng cấp hệ thống quản trị chất lượng ISO 9001:2008.
- Tập trung quản lý toàn diện trong các lĩnh vực, tối đa hóa lợi nhuận trong kinh doanh, trong đó tập trung vào những sản phẩm có tỷ suất lợi nhuận cao.
- Có chiến lược dự trữ nguyên liệu, thành phẩm hợp lý, khoa học nhằm tiết giảm chi phí hàng tồn Căn cứ vào nhu cầu đặt hàng, lập kế hoạch nhập hàng phù hợp.

3.2.2 Chiến lược đầu tư công nghệ

- Trong năm 2014, công ty tiếp tục đầu tư thêm máy móc và cải tiến các máy móc thiết bị hỗ trợ cho công tác sản xuất nhằm nâng cao chất lượng phục vụ nhu cầu của khách hàng.
- Đẩy mạnh tăng năng suất lao động, ổn định chất lượng sản phẩm, giảm tỷ lệ phế phẩm.

3.2.3 Chiến lược tài chính

- Chủ động công bố minh bạch thông tin để cung cấp kịp thời cho các nhà đầu tư để nắm được hoạt động kinh doanh của công ty. Đặc biệt là thông tin về tình hình tài chính của công ty.

- Mở rộng các đối tác chiến lược đầu tư vào Công ty nhằm tăng sức mạnh về tài chính nhằm đáp ứng nhu cầu phát triển mở rộng thị trường miền Bắc, miền Trung.

3.2.4 Chiến lược nhân sự

- Đào tạo nâng cao tay nghề cho công nhân bao gồm việc đào tạo về sản phẩm, chất lượng, tuân thủ quy trình.

- Nâng cao trình độ quản lý cho các cán bộ. Sử dụng lao động có chuyên môn nghiệp vụ trong các phòng ban xí nghiệp.

II. Báo cáo của Hội đồng Quản trị

1. Cơ cấu tổ chức

Trong năm 2013, HĐQT nhiệm kỳ mới năm 2012-2017 và có sự thay đổi về nhân sự như sau:

- | | |
|------------------------|-------------------|
| 1. Ông Nguyễn Lưu Thụy | Chủ tịch HĐQT |
| 2. Ông Vũ Đình Độ | Phó Chủ tịch HĐQT |
| 3. Ông Lê Huy Phương | Thành viên HĐQT |
| 4. Ông Ngô Đức Vũ | Thành viên HĐQT |
| 5. Ông Trần Hữu Chuyên | Thành viên HĐQT |

2. Tỷ lệ nắm giữ cổ phiếu các Cổ đông

Tổng số vốn điều lệ tính đến năm 2013 là 34.276.370.000 đồng.

Cơ cấu vốn của Công ty Cổ phần Nhựa Đồng Nai như sau:

Chỉ tiêu	VNĐ	Tỷ lệ (%)	Số lượng Cổ Đông	Cơ cấu Cổ Đông	
				Tổ chức	Cá nhân
Tổng vốn điều lệ	34.276.370.000	100,00	638	24	614
Cổ đông nắm giữ trên 5% có quyền biểu quyết	2.062.500	60,17	5	0	5
Cổ đông nắm giữ từ 1% đến 5% có quyền biểu quyết	872.750	25,46	11	1	10
Cổ đông nắm giữ dưới 1% có quyền biểu quyết	492.387	14,37	622	23	599

3. Đánh giá hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty

Năm 2013 nền kinh tế thế giới phục hồi tăng trưởng, nền kinh tế trong nước vẫn gặp nhiều khó khăn, gây trở ngại cho hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty nhưng bằng sự chỉ đạo định hướng đúng đắn, sát sao, kịp thời của HĐQT cùng với sự quyết tâm nỗ lực của Ban Tổng Giám Đốc, các phòng ban, xí nghiệp và toàn thể CBCNV đã phấn đấu hoàn thành doanh thu và lợi nhuận năm 2013 đạt một số kết quả cụ thể như sau:

- Doanh thu đạt 387 tỷ đạt 96,75% kế hoạch là 400 tỷ.
- Lợi nhuận từ hoạt động sản xuất kinh doanh đạt 11,72 tỷ đạt 117,2% kế hoạch là 10 tỷ.
- Thu nhập bình quân 5,0 triệu đồng / người / tháng đạt 100% kế hoạch là 5 triệu đồng / người / tháng. Như vậy thu nhập bình quân tăng thêm 4,2% so với thu nhập bình quân năm 2012 là 4,8 triệu đồng / người / tháng.

3. Hoạt động của HĐQT trong năm 2013

Các thành viên trong HĐQT đều có kinh nghiệm trong tài chính, pháp luật và lĩnh vực kinh doanh ngành cấp thoát nước và bao bì xuất khẩu và cùng tham gia điều hành trong Ban Tổng Giám Đốc vì vậy các chiến lược của HĐQT và Ban Tổng Giám Đốc luôn nhất quán.

HĐQT đã tích cực chủ động giải quyết mọi vấn đề thuộc thẩm quyền, các quyết định kịp thời, nắm bắt quá trình điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh và đóng góp ý kiến đối với Ban Tổng Giám Đốc các vấn đề quan trọng phát sinh trong quá trình điều hành Công ty.

HĐQT đã tổ chức các cuộc họp nghiêm túc, dân chủ. Các biên bản, nghị quyết, quyết định của HĐQT đều dựa trên sự thống nhất của các thành viên HĐQT, đảm bảo đúng theo Pháp luật, điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty, đảm bảo việc lưu trữ hồ sơ và thực hiện công bố thông tin kịp thời theo đúng quy định.

4. Kế hoạch hoạt động của HĐQT trong năm 2014

HĐQT tiếp tục thực hiện các Nghị quyết ĐHCĐ năm 2013 dựa trên sự chỉ đạo cụ thể cho Ban Tổng Giám Đốc sâu sát, cụ thể hoàn thành kế hoạch sản xuất kinh doanh Đại hội Cổ đông đã đưa ra dựa trên các chỉ tiêu tài chính hiệu quả, bảo toàn nguồn vốn,

giảm tỷ lệ nợ xấu, cam kết thực hiện trả cổ tức và thực hiện đầy đủ các quyền của cổ đông.

HDQT tiến hành tổ chức việc theo dõi, giám sát việc thực hiện các nghị quyết, quyết định HDQT của Ban Tổng Giám Đốc và công bố thông tin về hoạt động sản xuất kinh doanh nhanh chóng, chính xác và minh bạch.

5. Định hướng triển vọng trong tương lai

Năm 2014, nền kinh tế của Việt Nam được dự báo là sẽ tiếp tục gặp nhiều khó khăn trong nỗ lực tái cấu trúc nền kinh tế của Chính phủ. Với việc ưu tiên kiềm chế lạm phát, ổn định kinh tế xã hội và cải tổ sâu rộng nền kinh tế quốc gia, tăng trưởng kinh tế năm 2014 được dự báo sẽ có khả năng đạt được mức tăng trưởng trên 5%. Bên cạnh đó, vấn đề lãi suất hỗ trợ doanh nghiệp ở mức vừa phải giúp cho chi phí lãi vay vốn giảm rõ rệt tạo điều kiện vay vốn mở rộng cho doanh nghiệp.

Nhìn nhận từ khó khăn trên của nền kinh tế, chúng ta có thể nhận định rằng viễn cảnh không mấy sáng sủa của ngành bất động sản và xây dựng cũng như chính sách thắt chặt tiền tệ, giảm đầu tư công của Chính phủ sẽ là rào cản lớn ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất kinh doanh của các doanh nghiệp trong ngành nhựa đặc biệt là các doanh nghiệp nhựa vật liệu xây dựng. Sản lượng sản xuất và tiêu thụ của các doanh nghiệp trong ngành sẽ bị ảnh hưởng đáng kể từ chính sách thắt chặt tiền tệ, giảm chi tiêu đầu tư công cũng như tình hình ảm đạm của ngành xây dựng, bất động sản. Theo chiến lược phát triển ngành nhựa Việt Nam đến năm 2020 và tầm nhìn đến năm 2025 do Bộ Công Thương phê duyệt vào ngày 17/06/2011, tốc độ tăng trưởng giá trị sản xuất công nghiệp bình quân giai đoạn 2011-2015 sẽ vào khoảng 17,56%/năm, đồng thời theo đó giảm dần tỷ trọng các nhóm sản phẩm nhựa bao bì và nhựa gia dụng, tăng dần tỷ trọng nhóm sản phẩm nhựa vật liệu xây dựng và nhựa kỹ thuật.

Tuy nhiên, trong bối cảnh khó khăn chung của nền kinh tế, mức tăng trưởng của ngành nhựa trong năm 2014 sẽ chỉ ở mức 8%-12% thấp hơn so với trung bình các năm trước và thấp hơn mục tiêu tăng trưởng như trong quy hoạch ngành nhựa. Bên cạnh đó, nhu cầu tăng về các sản phẩm trong ngành nhựa từ các nước trong khu vực sẽ là động lực quan trọng giúp doanh nghiệp nhựa trong nước tìm kiếm thị trường xuất khẩu và giảm mức nhập siêu của ngành. Đây thực sự là cơ hội mở rộng thị trường cho ngành nhựa Việt nam nói chung và cho DNP nói riêng để từ đó khẳng định vị thế của mình.

III. Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc

1. Báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh

1.1. Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2013

Năm 2013, hoạt động sản xuất kinh doanh cũng gặp rất nhiều khó khăn tuy nhiên DNP cũng đã thực hiện hoàn thành kế hoạch doanh thu và lợi nhuận như sau:

Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Kế hoạch năm 2013	Thực hiện năm 2013	Thực hiện năm 2012	Tỷ lệ HT (%)
1. Doanh thu	Tỷ đồng	400	387	305,98	96,75
2. Lợi nhuận sau thuế	Tỷ đồng	10	11,7	8,24	117,0
3. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	Đồng		3426	2.323	

1.2. Đánh giá hiệu quả sản xuất kinh doanh

1.2.1. Những kết quả đạt được

Nhìn lại một năm với đầy những tác động gây khó khăn cho các doanh nghiệp nói chung và công ty nói riêng, bằng sự chỉ đạo định hướng và thực hiện chiến lược của Hội đồng Quản trị, năng lực quản lý, điều hành sáng tạo của Ban Tổng Giám đốc, phát huy sáng kiến của người lao động, các mục tiêu kế hoạch năm 2013 thực hiện thành công. Đặc biệt trong đó có sự bổ sung nguồn nhân lực chất lượng cao đã có kinh nghiệm qua các vị trí các Tập đoàn lớn tham gia vào Hội Đồng Quản Trị, Ban Tổng Giám Đốc đã đưa công ty có những hướng phát triển mở rộng thị trường Bắc, Trung, Nam cũng như liên kết với đối tác quan trọng trong khu vực Đông Nam Á giúp cho sản phẩm của công ty ngày càng cạnh tranh hơn.

Những tiến bộ cụ thể mà công ty đã đạt được trong năm qua đó là:

- Doanh thu đạt 96,75% kế hoạch (387 tỷ / 400 tỷ).
- Lợi nhuận đạt 117% kế hoạch (11,7 tỷ / 10 tỷ).
- Thu nhập người lao động bình quân tăng 4,2 % so với kế hoạch (5,0/4,8 triệu đồng/người/tháng).
- Doanh thu năm 2013 được đóng góp đáng kể đó là do sản lượng của xí nghiệp bao bì đã tăng trưởng ấn tượng cụ thể là sự đầu tư xây dựng gấp đôi công suất nhà máy sản xuất túi bao bì lên hơn 900 tấn / tháng. Đây được đánh giá sự trưởng thành vượt bậc của sản phẩm bao bì sau 7 năm đầu tư phát triển sản phẩm túi từ năm 2006.

- Sản lượng Ống Nhựa cũng suy giảm nguyên nhân là do chủ yếu là ngân sách giải ngân của nhà nước cho các dự án công trình cấp thoát nước, các dự án xây dựng bị chia thành nhiều giai đoạn dài hơn hoặc hủy dự án. Tuy nhiên công ty cũng đã nhanh chóng thay đổi tiếp cận đa dạng thị trường mục tiêu hơn, phát triển thêm tham gia các dự án cấp, thoát nước, xây dựng tư nhân hơn. Ngoài ra việc suy giảm sản lượng ống cũng xuất phát từ nguyên nhân siết chặt việc bán nợ dài giúp công ty cải thiện được thanh khoản đối với khách hàng.

Tuy nhiên gặp nhiều khó khăn về nguồn vốn vay từ ngân hàng, chính sách giá bán cạnh tranh, công ty cũng đã tự cải tiến được hệ thống máy móc giúp nâng cao được năng suất, cải thiện chất lượng sản phẩm, nâng cao tay nghề của người công nhân. Qua đó khẳng định chất lượng sản phẩm của DNP trên những công trình.

Để đạt được những kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh như trên, Ban Tổng giám đốc Công ty đã bám sát định hướng của Hội đồng quản trị, kịp thời nắm bắt thông tin thị trường đồng thời tập trung trí tuệ và năng lực tập thể của cán bộ quản lý trong Công ty để hoạch định những giải pháp tức thời góp phần quan trọng cho việc hoàn thành các chỉ tiêu Đại hội đồng cổ đông 2013 đã đề ra. Những nguyên nhân chủ yếu đảm bảo cho kết quả trên là:

- Chủ động được nguồn nguyên liệu kịp thời cho các đơn hàng sản xuất.
- Phòng kinh doanh đã có nhiều nỗ lực trong việc duy trì, tìm kiếm khách hàng mới, mở rộng thị trường tiêu thụ như thành lập văn phòng phía Bắc.
- Tiết kiệm tối đa các loại chi phí thông qua các biện pháp về kỹ thuật, công nghệ để giảm giá thành, nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh.
- Tạo được sự đồng thuận trong nội bộ công ty trong nỗ lực thực hành tiết kiệm, nâng cao năng suất và chia sẻ khó khăn chung.
- Tăng cường công tác kiểm soát giá đầu vào chặt chẽ giúp cho giá vốn đầu vào của các sản phẩm được tốt hơn tạo nền tảng cho việc đàm phán giá tốt hơn, tăng cường năng lực cạnh tranh so với đối thủ.

1.2.2. Những điểm cần khắc phục trong điều hành SXKD năm 2013

- Công tác kinh doanh chưa tạo được đột phá trong tổ chức hoặc phương thức bán hàng vì vậy chưa đạt được sản lượng tiêu thụ trong khi mức đầu tư cho sản xuất ống tăng lên nhiều trong ba năm qua.

- Lao động phổ thông biến động liên tục do tâm lý nhảy việc, nghỉ việc về quê, nghỉ việc do hết tuổi lao động dẫn đến ảnh hưởng tới sản lượng và năng suất do đó cần có chính sách thu hút và giữ chân người lao động gắn bó lâu dài với công ty.

- Nhân viên kinh doanh sản phẩm ống nhựa còn thiếu do đó cần phải bổ sung và đào tạo kịp thời, phải tạo điều kiện tốt nhất về chính sách bán hàng và các điều kiện có thể để ưu tiên phát triển mở rộng kinh doanh.

- Chất lượng sản phẩm thiếu ổn định, phải kiểm soát tốt từ nguyên liệu đầu vào tới sản phẩm đầu ra.

- Nguồn cung cấp nguyên liệu bị hạn chế và còn chủ quan trong khâu nhập nguyên liệu. Do đó cần phải chủ động đa dạng hóa các nguồn cung cấp mới để duy trì sự ổn định xuyên suốt trong sản xuất.

2. Phân tích tình hình tài chính

2.1. Các chỉ số tài chính cơ bản

STT	Chỉ tiêu	Năm 2013	Năm 2012	Chênh lệch	Tăng giảm (%)
I	Cấu trúc tài sản, nguồn vốn				
1	Cấu trúc tài sản				
	Tổng giá trị tài sản	282,515,286,628	242,199,493,459	40,315,793,169	116.65%
	Tài sản ngắn hạn	198,696,000,899	165,878,252,996	32,817,747,903	119.78%
	Tài sản dài hạn	83,819,285,729	76,321,240,463	7,498,045,266	109.82%
2	Cấu trúc nguồn vốn				
	Nợ phải trả	192,412,381,317	158,045,159,962	34,367,221,355	121.75%
	Vốn chủ sở hữu	90,102,905,311	84,154,333,497	5,948,571,814	107.07%
II	Khả năng sinh lời				
	Doanh thu thuần	387,020,885,435	305,978,437,085	81,042,448,350	126.49%
	Lợi nhuận trước thuế	14,011,164,077	8,906,078,298	5,105,085,779	157.32%
	Lợi nhuận sau thuế	11,722,681,857	8,243,086,955	3,479,594,902	142.21%
	Tỷ suất lợi nhuận gộp	14.78%	15.48%		95.44%
	Tỷ suất lợi nhuận trước thuế	3.62%	2.91%		124.38%
	Tỷ suất lợi nhuận sau thuế	3.03%	2.69%		112.43%
III	Tính thanh khoản				
	Hệ số thanh toán hiện hành	1.13	1.17		96.28%
	Hệ số thanh toán nhanh	0.74	0.66		111.43%
	Nợ khó đòi	6,780,476,812	6,535,989,682	244,487,130	103.74%
	Vòng quay hàng tồn kho	4.68	3.94		118.95%
	Số ngày tồn kho bình quân	78	93		84.07%
	Số ngày thu tiền	84	93		90.03%
	Số ngày trả tiền	26	22		117.12%
	Kỳ luân chuyển tiền mặt	136	164		83.05%
IV	Chỉ tiêu khác				
	Vòng quay tổng tài sản	1.48	1.27		116.50%
	Suất sinh lợi của VCSH	0.13	0.10		136.92%

Nợ trên tổng tài sản	0.68	0.64	106.49%
Nợ trên vốn chủ sở hữu	2.14	1.84	116.06%
Tỷ lệ chi trả cổ tức	16%	10%	160.00%

2.2. Phân tích chỉ số tài chính

a. Cấu trúc tài chính công ty

+ Cơ cấu tài sản:

Kết thúc năm 2013 công ty có Tổng tài sản 282,5 tỷ tăng 40,3 tỷ so với năm 2012. Trong đó tài sản ngắn hạn tăng 32,8 tỷ và tài sản dài hạn tăng 7,5 tỷ. Tỷ trọng tài sản ngắn hạn năm 2013 bằng 70,3% tổng tài sản, tăng hơn 1,8 % so với năm 2012.

Nguyên nhân làm cho tài sản ngắn hạn tăng chủ yếu do công ty tăng trưởng doanh thu ống nhựa làm cho Khoản phải thu từ khách hàng tăng lên 13,1 tỷ, khoản thu khác tăng 5,1 tỷ và khoản thuế GTGT khấu trừ gần 5 tỷ đồng (khoản thuế này được nhà nước hoàn lại vào tháng 01/2014).

+ Cơ cấu nguồn vốn:

Năm 2013, nợ phải trả chiếm 68% tổng nguồn vốn, tăng 32,8 tỷ so với năm 2012. Phần tăng chủ yếu do các khoản nợ ngắn hạn tăng (trong đó yếu tố tăng mạnh nhất là vay nợ ngắn hạn tăng 23 tỷ). Vốn chủ sở hữu đạt 90,1 tỷ năm 2013 chiếm 32% trong tổng nguồn vốn. Chỉ tiêu này cũng tăng gần 6 tỷ so với năm 2012 .

b. Đánh giá hiệu quả kinh doanh

Năm 2013 vẫn là năm được nhận định là tiếp tục còn khó khăn. Nhưng với quyết tâm hoàn thành kế hoạch của Ban Giám Đốc, kết quả doanh thu tăng 81 tỷ so với cùng kỳ, đạt 97% kế hoạch doanh thu đề ra. Tỷ suất lợi nhuận gộp trên doanh thu đạt 14,78% giảm 0,6% so với năm 2012, lợi nhuận trước thuế đạt 3,62% tăng 24% năm 2012 (đó là do Ban Giám Đốc thắt chặt chi phí tài chính, chi phí bán hàng, chi phí quản lý bằng rất nhiều biện pháp). Từ đó làm cho lợi nhuận sau thuế đạt 11,7 tỷ vượt 1,7 tỷ so với kế hoạch.

c. Đánh giá tính thanh khoản và sự tăng trưởng

Năm 2013, tính thanh khoản nhanh của công ty tốt hơn năm 2012. Cụ thể: số ngày tồn kho giảm từ 93 ngày năm 2012 còn 78 ngày năm 2013. Khoản phải thu bình quân giảm thêm 9 ngày, tức ngày thu tiền bình quân công ty còn 78 ngày (trung đương 2,6 tháng). Trong khi số ngày nợ phải trả khách hàng bình quân tăng 4 ngày so với năm 2012. Tất cả yếu tố trên làm cho chu kỳ kinh doanh năm 2013 giảm 28 ngày so với năm 2012, tức là chu kỳ kinh doanh năm 2013 là 136 ngày .

Các chỉ tiêu khác như nợ trên vốn chủ sở hữu, trên tổng tài sản, vòng quay tổng tài sản, suất sinh lợi trên vốn chủ sở hữu năm 2013 khác biệt hơn năm 2012. Như nợ trên vốn chủ sở hữu là 2,14% , tăng 16% so với năm 2012. Đây luôn là điều trăn trở của Ban Giám Đốc công ty, vốn chủ sở hữu nhỏ, vay ngắn hạn nhiều làm cho tài chính lúc nào cũng căng thẳng. Doanh thu phải tăng, tăng trưởng phải có nhưng vốn thì hạn hẹp, điều đó đồng nghĩa với việc phải đi vay ngân hàng, các tổ chức tài chính để xoay vòng vốn, làm cho chi phí lãi phải trả /vốn chủ sở hữu bắt buộc phải tăng. Trước tình hình trên Ban Giám Đốc đã và đang tìm kiếm các đối tác, tổ chức tài chính giúp công ty cơ cấu vốn vay tài chính để đạt được kết quả kinh doanh tốt nhất.

IV. Báo cáo tài chính hợp nhất tóm tắt

1. Bảng cân đối kế toán hợp nhất

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		198,696,000,899	165,878,252,997
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.01	7,616,394,479	3,924,102,287
1. Tiền	111		7,616,394,479	3,924,102,287
2. Các khoản tương đương tiền	112			
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120			
1. Đầu tư ngắn hạn	121			
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán đầu tư ngắn hạn (*)	129			
III. Các khoản phải thu	130		109,726,249,017	85,425,491,648
1. Phải thu của khách hàng	131		95,324,265,818	82,205,699,733
2. Trả trước cho người bán	132		14,514,342,321	8,325,047,716
3. Các khoản phải thu khác	138	V.02	6,668,117,690	1,430,733,881
4. Dự phòng các khoản phải thu khó đòi (*)	139		(6,780,476,812)	(6,535,989,682)
IV. Hàng tồn kho	140	V.03	68,737,761,681	72,128,267,641
1. Hàng tồn kho	141		68,737,761,681	73,253,570,193
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (*)	149			(1,125,302,552)
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		12,615,595,722	4,400,391,421
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		321,515,277	13,416,724
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		4,924,378,449	
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	154	V.04	89,937,843	1,126,413,654
4. Tài sản ngắn hạn khác	158	V.05	7,279,764,153	3,260,561,043
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		83,819,285,729	76,321,240,463
I. Các khoản phải thu dài hạn	210			
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211			
2. Vốn kinh doanh của các đơn vị trực thuộc	212			
3. Phải thu nội bộ dài hạn	213			
4. Phải thu dài hạn khác	218			
5. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi (*)	219			

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
II. Tài sản cố định	220		80,128,441,568	73,274,845,543
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.06	52,830,054,633	60,001,106,386
- Nguyên giá	222		126,563,033,047	118,061,535,790
- Giá trị hao mòn lũy kế(*)	223		(73,732,978,414)	(58,060,429,404)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224	V.07	23,624,543,983	8,226,647,223
- Nguyên giá	225		27,003,929,600	15,381,758,550
- Giá trị hao mòn lũy kế(*)	226		(3,379,385,617)	(7,155,111,327)
3. Tài sản cố định vô hình	227	V.08	2,818,564,091	
- Nguyên giá	228		2,818,564,091	
- Giá trị hao mòn lũy kế(*)	229			
4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	V.09	855,278,861	5,047,091,934
III. Bất động sản đầu tư	240			
- Nguyên giá	241			
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	242			
IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250			
1. Đầu tư vào công ty con	251			
2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252			
3. Đầu tư dài hạn khác	258			
4. Dự phòng giảm giá chứng khoán đầu tư dài hạn (*)	259			
V. Tài sản dài hạn khác	260		3,603,769,936	3,046,394,920
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.10	1,518,221,580	1,102,097,225
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262	V.11	38,610,816	85,027,421
3. Tài sản dài hạn khác	268	V.12	2,046,937,540	1,859,270,274
VI. Lợi thế thương mại	269	V.13	87,074,225	
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		282,515,286,628	242,199,493,460

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A. NỢ PHẢI TRẢ	300		192,135,007,824	154,684,876,389
I. Nợ ngắn hạn	310		176,321,355,268	141,728,029,407
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	V.14	132,044,818,782	109,178,090,973
2. Phải trả người bán	312		23,090,096,666	15,458,529,831
3. Người mua trả tiền trước	313		6,809,301,616	5,710,064,342
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	V.15	6,989,981,215	7,204,150,461
5. Phải trả công nhân viên	315		4,447,878,796	2,098,661,420
6. Chi phí phải trả	316	V.16	789,739,083	2,850,023,546
7. Phải trả nội bộ	317			
8. Phải trả theo kế hoạch tiến độ HỀXD	318			
9. Các khoản phải trả, phải nộp khác	319	V.17	3,734,254,605	1,297,484,003
10. Dự phòng phải trả ngắn hạn	320			
11. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323		(1,584,715,495)	(2,068,975,169)
II. Nợ dài hạn	330		15,813,652,556	12,956,846,982
1. Phải trả dài hạn người bán	331			
2. Phải trả dài hạn nội bộ	332			
3. Phải trả dài hạn khác	333			89,792,000
4. Vay và nợ dài hạn	334	V.18	15,813,652,556	12,867,054,982
5. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	335			
6. Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336			
7. Dự phòng phải trả dài hạn	337			
8. Doanh thu chưa thực hiện	338			
B. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		90,102,905,311	84,154,333,496
I. Vốn chủ sở hữu	410	V.19	90,102,905,311	84,154,333,496
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		34,276,370,000	34,276,370,000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		26,720,892,735	26,720,892,735
3. Vốn khác của chủ sở hữu	413		1,441,908,340	1,441,908,340
4. Cổ phiếu ngân quỹ	414		(427,842,000)	(427,842,000)
5. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	415			
6. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	416			
7. Quỹ đầu tư phát triển	417		12,868,028,625	9,610,422,199
8. Quỹ dự phòng tài chính	418		2,630,102,063	2,250,740,284
9. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	419			
10. Lợi nhuận chưa phân phối	420		12,593,445,548	10,281,841,938
II. Nguồn kinh phí và các quỹ khác	430			
C. LỢI ÍCH CỦA CỔ ĐÔNG THIỂU SỐ	439	V.20	277,373,493	3,360,283,575
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		282,515,286,628	242,199,493,460

CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2013

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
1. Tài sản thuê ngoài		001		
2. Vật tư, hàng hóa nhận giữ hộ, nhận gia công		002		
3. Hàng hóa nhận bán hộ, nhận ký gửi		003		
4. Nợ khó đòi đã xử lý		004		
5. Ngoại tệ các loại		007		
USD		007a	215,715.60	26,506.40
EUR		007b	396.90	402.00
6. Dự toán chi hoạt động		008		

Ghi chú: Các chỉ tiêu có số liệu âm được ghi trong ngoặc đơn ()

2. Báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh hợp nhất

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	V.21	389,685,108,417	305,979,407,085
2. Các khoản giảm trừ	02	V.22	2,664,222,982	970,000
3. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ	10	V.23	387,020,885,435	305,978,437,085
4. Giá vốn hàng bán	11	V.24	329,826,180,219	258,600,298,194
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		57,194,705,216	47,378,138,891
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	V.25	1,399,165,217	2,846,696,732
7. Chi phí tài chính	22	V.26	13,062,963,727	17,465,947,065
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		10,414,432,116	10,757,841,824
8. Chi phí bán hàng	24		14,015,283,079	8,358,944,825
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		17,717,313,454	16,374,164,346
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		13,798,310,173	8,025,779,387
11. Thu nhập khác	31	V.27	640,017,908	5,655,676,954
12. Chi phí khác	32	V.28	427,164,004	4,775,378,042
13. Lợi nhuận khác	40		212,853,904	880,298,912
14. Lãi (lỗ) trong Công ty liên doanh liên kết	45			
15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		14,011,164,077	8,906,078,299
16. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	V.29	2,242,065,615	729,431,704
17. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52	V.30	46,416,605	(66,440,361)
18. Lợi nhuận sau thuế TNDN	60		11,722,681,857	8,243,086,956
18.1 Lợi nhuận sau thuế của cổ đông thiểu số	61		23,420,664	310,781,306
18.2 Lợi nhuận sau thuế của Công ty mẹ	62		11,699,261,193	7,932,305,650
19. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	V.31	3,426	2,323

3. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		14,011,164,077	8,906,078,299
2. Điều chỉnh cho các khoản			23,886,867,496	28,619,954,042
+ Khấu hao tài sản cố định	02		13,332,354,465	14,693,352,186
+ Các khoản dự phòng	03		(880,815,422)	4,089,360,635
- (Lãi)/lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa th	04		1,361,297,076	112,189,638
- (Lãi)/lỗ từ hoạt động đầu tư, hoạt động kh	05		(340,400,739)	(1,032,790,241)
+ Chi phí lãi vay	06		10,414,432,116	10,757,841,824
3. Lợi nhuận/(lỗ) từ hoạt động kinh doanh	08		37,898,031,573	37,526,032,341
- (Tăng)/giảm các khoản phải thu	09		(25,087,177,431)	(9,117,210,070)
- (Tăng)/giảm hàng tồn kho	10		4,515,808,512	(13,953,022,226)
- Tăng/(giảm) các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế TNDN phải nộp)	11		6,822,914,679	(4,800,036,459)
- (Tăng)/giảm chi phí trả trước	12		(1,109,121,862)	190,253,367
- Tiền lãi vay đã trả	13		(10,326,427,333)	(10,757,841,824)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14		(1,464,039,202)	(1,827,805,817)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	15		670,371,853	8,310,209,311
- Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	16		(8,104,041,314)	(1,109,744,500)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh	20		3,816,319,475	4,460,834,123
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		(21,921,153,100)	(6,524,972,701)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22			
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		(9,088,159,219)	-
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		6,559,500,724	-
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận	27		804,995,198	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(23,644,816,397)	(6,524,972,701)
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn	31			-
2. Tiền chi trả vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32			-
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33		373,702,831,166	272,995,679,241
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34		(329,366,589,576)	(272,221,420,511)
5. Tiền chi trả nợ thuế tài chính	35		(18,697,587,586)	(2,223,560,206)
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(1,952,958,330)	(5,651,709,200)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		23,685,695,674	(7,101,010,676)
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50		3,857,198,752	(9,165,149,254)
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60		3,924,102,287	13,204,470,739
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi	61		(164,906,560)	(115,219,198)
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70		7,616,394,479	3,924,102,287

4. Báo cáo kiểm toán

Năm 2013 Công ty TNHH Tư vấn Thuế, Kế toán & Kiểm toán AVINA-IAFC được chọn là công ty Kiểm toán của Công ty CP Nhựa Đồng nai.

Chúng tôi, Công ty TNHH Tư vấn Thuế, Kế toán & Kiểm toán AVINA-IAFC, đã kiểm toán Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty Cổ phần Nhựa Đồng Nai được lập ngày 21/03/2014 gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2013, Báo cáo

kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và Bản thuyết minh báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2013

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính hợp nhất. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính hợp nhất do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính hợp nhất.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

V. Các công ty có liên quan

1. Thông tin về công ty liên quan

Công ty con: Công ty Cổ phần Nhựa Đồng Nai Miền Trung

Thành lập: Công ty Cổ phần Nhựa Đồng Nai Miền Trung được thành lập theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh lần đầu số 3303070169 ngày 27 /12/ 2005 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Quảng Nam cấp và thay đổi lần thứ 2 vào ngày 26/12/2007.

Trụ sở: Lô 06, Khu Công nghiệp Điện Nam – Điện Ngọc – Huyện Điện Bàn – Tỉnh Quảng Nam.

Lĩnh vực kinh doanh: Sản xuất và kinh doanh.

- Sản xuất kinh doanh ống nhựa và các sản phẩm nhựa PVC và HDPE.
- Xây dựng các công trình cấp thoát nước và lắp đặt các tuyến đường ống thoát nước, công trình dân dụng, công nghiệp, giao thông thủy lợi.
- Sản xuất kinh doanh nệm mousse xốp, nệm lò xo và moussee dân dụng, công nghiệp.
- Sản xuất bao bì nhựa, bạt PP và các sản phẩm nhựa dân dụng, công nghiệp.
- Vốn điều lệ: 10.000.000.000 đồng.
- Tỷ lệ vốn góp của công ty mẹ theo vốn góp thực tế là: 83,1%.

2. Tóm tắt báo cáo hoạt động sản xuất kinh doanh công ty cổ phần Nhựa Đồng Nai miền trung năm 2013

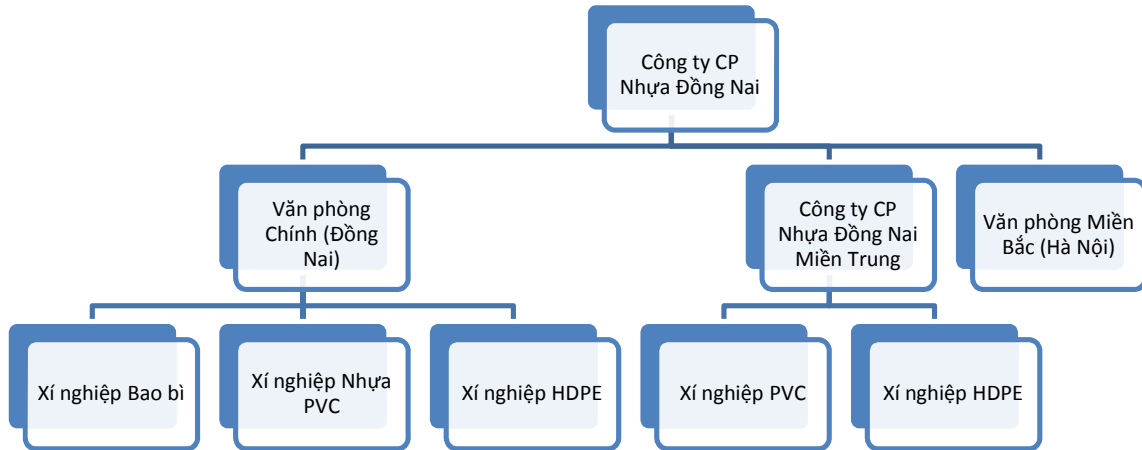
Năm 2013 hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty CP Nhựa Đồng Nai Miền Trung đã hoàn thành nhiệm vụ vượt mức đề ra. Các chỉ tiêu cụ thể như sau:

- Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ đạt 52,61 tỷ đạt 128,91% so với năm 2013 là 40,81 tỷ. Đây là kết quả tăng doanh số vượt bật trong nền kinh tế khó khăn..
- Lợi nhuận trước sau thuế đạt 1,83 tỷ đạt 99,46% so với năm 2013 là 1,84 tỷ.

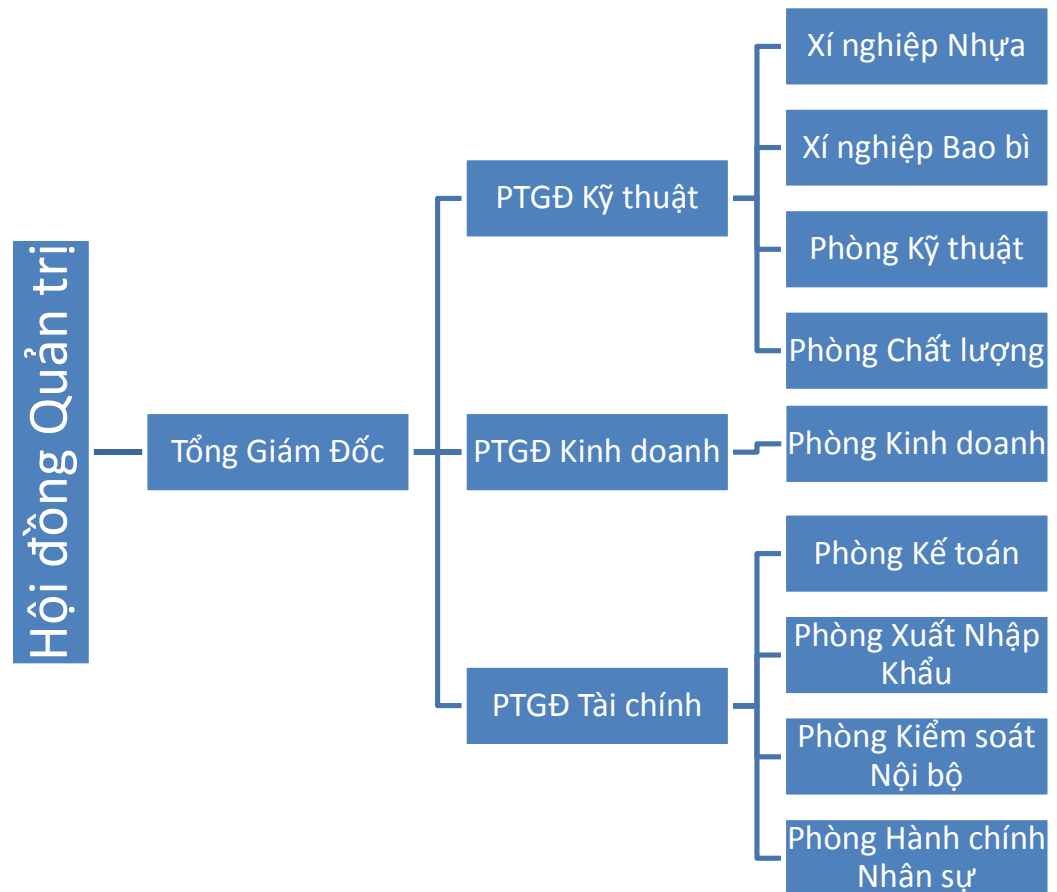
VI. Sơ đồ tổ chức và chức năng nhiệm vụ phòng ban

1. Cơ cấu tổ chức

SƠ ĐỒ CƠ CẤU TỔ CHỨC CÔNG TY



SƠ ĐỒ TỔ CHỨC BỘ PHẬN CHỨC NĂNG



2. Chức năng nhiệm vụ các Phòng ban Xí nghiệp

Tổng Giám đốc do HĐQT bổ nhiệm là người tổ chức điều hành, quản lý mọi hoạt động kinh doanh hàng ngày của Công ty theo mục tiêu định hướng, kế hoạch mà HĐQT, ĐHCĐ đã thông qua. Tổng Giám đốc là người chịu trách nhiệm hoàn toàn các hoạt động điều hành sản xuất kinh doanh hàng ngày của Công ty, giúp việc cho Tổng Giám đốc là các Phó Tổng Giám Đốc. Tổng Giám đốc Công ty sẽ căn cứ vào khả năng và nhu cầu quản lý để thực hiện việc ủy quyền một số quyền hạn nhất định cho các thành viên trong Ban Giám đốc về những công việc điều hành chuyên môn.

Dựa trên qui mô và ngành nghề, cơ cấu tổ chức của Công ty hiện nay được phân chia theo chức năng, bao gồm:

- Ban Giám đốc
- Phòng Tài chính - Kế toán
- Phòng Kinh doanh
- Phòng Hành chính - Nhân sự
- Phòng Kỹ thuật
- Phòng Kiểm soát Nội bộ
- Phòng Chất lượng
- Xí nghiệp Nhựa
- Xí nghiệp Bao bì

Đứng đầu các bộ phận này là các trưởng phòng và chịu sự chỉ đạo trực tiếp của Ban Tổng Giám đốc. Ngoài ra, trong Công ty còn có các tổ chức đoàn thể chính trị là Chi bộ, Công đoàn và Đoàn Thanh niên hoạt động trên cơ sở luật pháp của Nhà nước và Điều lệ của các tổ chức này.

3. Thông tin về cơ cấu lao động

- Tổng số lao động : 270 người
- Trình độ đại học trở lên: 25 người chiếm 9,26%
- Trình độ cao đẳng: 15 người chiếm 5,56%
- Trình độ trung cấp công nhân kỹ thuật: 20 người chiếm 7,41%.
- Lao động phổ thông: 210 người chiếm 77,78%.

4. Chính sách cho người lao động

Nguồn nhân lực là tài sản vô giá của doanh nghiệp. Ý thức được điều này Công ty luôn chú trọng đến các chế độ, chính sách chăm lo cho người lao động. Ngoài những

chính sách chế độ theo quy định của Nhà Nước, Công ty còn áp dụng các chính sách riêng có lợi cho người lao động như chính sách lương khi nghỉ thai sản, ốm đau, hiếu hỉ, chính sách nghỉ dưỡng du lịch hàng năm... nhằm khuyến khích người lao động gắn bó và là động lực để họ cống hiến tốt hơn cho Công ty.

Mặc dù trong năm qua tình hình sản xuất kinh doanh của công ty gặp không ít khó khăn nhưng Ban Giám đốc công ty cũng đã có nhiều chính sách khuyến khích, động viên cán bộ công nhân viên công ty gắn bó, làm việc tại công ty. Vào các ngày lễ như 30/4, 2/9, Tết Dương lịch, Tết Âm lịch công ty trích quỹ thưởng cho CBCNV.

Hàng năm Công ty trang bị mới đồng phục và các phương tiện bảo hộ lao động cho các bộ phận phù hợp với công việc, đảm bảo sự an toàn trong sản xuất.

Công ty đã nâng cấp nhà bếp ăn tập thể đảm bảo cung cấp suất ăn đủ dinh dưỡng và sức khỏe, sử dụng tủ nhiệt chứa khay cơm và văn phòng thường xuyên kiểm tra vệ sinh an toàn thực phẩm theo quy định của các cơ quan chức năng, không để xảy ra trường hợp ngộ độc thực phẩm nào.

Ngoài ra Công ty còn thực hiện một số chính sách khác:

- Tặng quà ngày Tết thiếu nhi, Trung thu cho toàn thể con em cán bộ công nhân viên Công ty.
- Tặng quà ngày 8/3, ngày 20/10 cho các cán bộ công nhân viên nữ.
- Ưu tiên tuyển dụng thân nhân người lao động tại Công ty đạt yêu cầu vị trí chuyên môn công việc.

VII. Thông tin về Cổ đông và Quản trị Công ty

1. Hội đồng Quản trị

Tại cuộc họp Đại hội đồng Cổ đông thường niên năm 2013, tổ chức vào ngày 04/05/2013, Hội đồng Quản trị Công ty Cổ Phần Nhựa Đồng Nai gồm 05 thành viên là cổ đông trong Công ty. Các thông tin chi tiết đã nêu ở mục VII báo cáo này. Tổng số cổ phần sở hữu hiện nay của hội đồng quản trị là chiếm % tổng số cổ phần của Công ty (tính đến ngày 10/04/2014).

2. Tóm tắt lý lịch thành viên HĐQT

2.1. Ông Nguyễn Lưu Thụy – Chủ tịch HĐQT

a. Thông tin bản thân:

Ngày sinh: 01/6/1959

Nơi sinh: Nghệ An

CMND: 010 410 132 cấp ngày 06/4/2004, tại CA Hà Nội.

Quốc tịch: Việt Nam

Dân tộc: Kinh

Địa chỉ: Trung Hòa - Nhân Chính - Cầu Giấy - Hà Nội

Trình độ chuyên môn: Tiến sỹ ngành Hóa kỹ thuật.

b. Quá trình công tác:

- 1982 - 1986: Cán bộ Viện Vật liệu xây dựng – Bộ Xây dựng.
- 2006 - 2008: Công tác tại Công ty CP Tập đoàn Đầu Tư IPA.
- 2004 đến nay: Phó Chủ tịch HĐQT Công ty CP Galax.
- 2008 đến nay: Chủ tịch HĐQT Trường Đại học Công nghệ Vạn Xuân.
- 2012 đến nay: Thành viên HĐQT Vinaconex 3.
- 2012 đến nay: Chủ tịch HĐQT Công ty Năng lượng xanh – Green Power.

c. Số cổ phiếu cá nhân nắm giữ tại thời điểm 10/4/2014: 842.900 cổ phiếu, chiếm 24,59% vốn điều lệ.

2.2. Ông Vũ Đình Độ - Phó Chủ tịch HĐQT

a. Thông tin bản thân:

Ngày sinh: 20/3/1982

CMND: 013 297 386 cấp ngày 17/4/2010, tại CA Hà Nội.

Quốc tịch: Việt Nam

Dân tộc: Kinh

Địa chỉ : 2B, 310/21 Nghi Tàm - Tây Hồ - Hà Nội.

Trình độ chuyên môn: Cử Nhân Kinh Tế

b. Quá trình công tác:

- 2003 - 2006: Kiểm toán viên Công ty TNHH KPMG Việt Nam.
- 2006 - 2007: Kiểm toán viên cấp cao Công ty KPMG Singapore.
- 2007 - 2008 : Giám đốc Dự án Phòng M&A Khối Ngân hàng Đầu tư Công ty Chứng khoán Sài Gòn.
- 2008 - 2011: Giám đốc Khối nghiên cứu Đầu tư Công ty CP Chứng khoán VNDIRECT.
- 2011 - 2012: Thành viên HĐQT tập đoàn ĐT-TM -DV Thành Công, Phó Tổng Giám đốc Công ty Chứng khoán Maritime Bank, Thành viên HĐQT Công ty Thương mại và Đầu tư Trung Dũng.

c. Số cổ phiếu cá nhân sở hữu tại thời điểm 10/4/2014: 582.700 cổ phiếu, chiếm 17,00% vốn điều lệ.

2.3. Ông Lê Huy Phương – Thành viên HĐQT

a. Thông tin bản thân:

Ngày sinh: 23/3/1966

Số CMND: 011 685 915 cấp ngày 15/10/2003 tại CA Hà Nội.

Quốc tịch: Việt Nam

Dân tộc: Kinh

Địa chỉ: Nhà 17, Đường 49, Khu Nam Long, P. Phước Long B, Quận 9, TP.HCM.

Trình độ chuyên môn: Thạc sỹ Quản trị Kinh doanh, Thạc sỹ Đầu tư.

b. Quá trình công tác:

- 1997 - 1998: Giám đốc Bán hàng Công ty EAC Miền Điện.

- 1998 - 1999: Giám đốc Bán hàng Công ty COCACOLA Việt Nam.

- 1999 - 2001: Học sau Đại học - Đại học Công nghệ Sydney Úc.

- 2001 - 2006: Giám đốc Tiếp thị Công ty Liên Doanh La vie.

- 2006 - 2009: Giám đốc Công ty CP Đầu tư IPA.

- 2009 - 2012: Giám đốc Công ty CP Đầu tư Focom.

- 2012 đến nay: Giám đốc Công ty CP Green - Power.

c. Số cổ phiếu được nắm giữ tại thời điểm 10/4/2014: 0 cổ phiếu.

2.4. Ông Trần Hữu Chuyên

a. Thông tin bản thân:

Ngày sinh: 11/1/1959, Giới tính: Nam

Nơi sinh: Hồng An, Hưng Hà, Thái Bình

CMND: 271 946 802 cấp ngày 21/4/2005, tại CA. Đồng Nai

Quốc tịch: Việt Nam

Dân tộc: Kinh

Địa chỉ liên hệ: 176 tổ 2 KP1, Trảng Dài, Biên Hòa, Đồng Nai

Trình độ chuyên môn: Kỹ sư Hóa

b. Quá trình công tác:

- 1981 – 1984: Tham gia Quân đội

- 1985 – 1998: Trưởng phòng Kỹ thuật, Phó Giám đốc Công ty Diêm Đồng Nai

- 1998 – 2003: Trưởng phòng Kỹ thuật, Phó Giám đốc Công ty Nhựa Đồng Nai
- 2003 – nay: Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Nhựa Đồng Nai.

c. Số cổ phần cá nhân nắm giữ tại thời điểm 10/4/2014: 67.860 cổ phần, chiếm 1,99% vốn điều lệ.

2.5. Ông Ngô Đức Vũ

a. Thông tin bản thân:

Ngày sinh: 20/7/1976
Nơi sinh: Bắc Giang
CMND: 024076000009 cấp ngày 31/1/2013 tại CA. Hà Nội
Quốc tịch: Việt Nam
Dân tộc: Kinh
Địa chỉ: 1375/2B đường Giải Phóng, Hoàng Mai, Hà Nội.
Trình độ chuyên môn:

- Thạc sỹ Quản lý tài chính, Trường Quản lý Châu Âu ESCP-EAP, Pháp.
- Thạc sỹ Quản trị kinh doanh, Viện Công nghệ Châu Á, Thái Lan.
- Cử nhân Quản trị kinh doanh, Đại học Kinh tế quốc dân Hà Nội.

b. Quá trình công tác:

- 2013 – nay: Giám đốc Quan hệ Tổ chức Công ty Cổ phần Nhựa Đồng Nai.
- 2010 – 2012: Tổng giám đốc Công ty CP Chứng khoán Sao Việt, đại diện phần vốn của Công ty Cổ phần Đầu tư phát triển đô thị và khu công nghiệp Sông Đà tại Công ty Chứng khoán Sao Việt
- 2005 – 2010: Giám đốc Đầu tư Công ty Cổ phần Quản lý quỹ đầu tư chứng khoán Việt Nam.
- 1999 – 2002: Kế toán trưởng Dự án Phát triển nông thôn Cao Bằng – Bắc Kạn

c. Số cổ phần cá nhân nắm giữ tại thời điểm 10/4/2014: 248.600 cổ phần, chiếm 7,28% vốn điều lệ.

3. Ban Kiểm Soát

Ban kiểm soát Công ty gồm 3 thành viên. Các thành viên trong Ban kiểm soát đã có kinh nghiệm chuyên môn về tài chính kế toán và pháp luật. Cụ thể gồm có:

- | | |
|------------------------|--------------------------------------------|
| 1- Ông Mai Hữu Đạt | Trưởng Ban Kiểm soát – Tiến sỹ Luật |
| 2- Bà Vũ Thị Thu Hương | Thành viên Ban Kiểm Soát – Cử nhân Kinh tế |
| 3- Ông Nguyễn Văn Hiếu | Thành viên Ban Kiểm Soát – Cử nhân Kinh tế |

Đồng Nai, ngày 17 tháng 4 năm 2014

Nơi nhận:

- UBCKNN
- SGDCK Hà Nội
- Lưu HĐQT

CÔNG TY CP NHỰA ĐỒNG NAI

T/M. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

TỔNG GIÁM ĐỐC

(Đã ký)

TRẦN HỮU CHUYỀN